TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Ảnh hưởng của Phật giáo đối với lễ tế Đàn Nam Giao - Xã Tắc ở Huế

ISSN: 2734-9195 08:45 10/05/2026

Đối với triều Nguyễn, dù là nghi lễ hoàng gia nhưng việc tiếp nhận các yếu tố Phật giáo trong nghi lễ cung đình không làm thay đổi bản chất chính trị cốt lõi của lễ tế đàn Nam Giao – đàn Xã Tắc.

Tác giả: **Lý Thanh Nhi (Thích nữ Như Ý Châu)**
Cao học Khóa V - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

***Triều Nguyễn**, dù lấy Nho giáo làm nền tảng chính trị, vẫn dung hợp sâu sắc yếu tố Phật giáo trong hệ thống nghi lễ cung đình, đặc biệt là lễ tế đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc. Sự ảnh hưởng này không làm thay đổi bản chất chính trị của các nghi lễ, mà góp phần "mềm hóa" tính nghiêm cẩn, đưa vào đó tinh thần từ bi, hướng thiện và ý thức cộng đồng. Nhờ vậy, các lễ tế không chỉ là biểu tượng của vương quyền mà còn trở thành không gian tâm linh chung, gắn kết giữa triều đình và nhân dân. Sự giao thoa Nho – Phật đã tạo nên một sắc thái văn hóa đặc trưng cho Huế, nơi quyền lực thế tục và đời sống tâm linh hòa quyện trong mục tiêu chung là cầu an cho quốc gia và hạnh phúc cho muôn dân.*

Huế được biết đến là kinh đô cuối cùng của chế độ phong kiến sau hàng trăm năm tồn tại của đất nước Việt Nam. Triều đình nhà Nguyễn (1802-1945) đã để lại cho hàng hậu thế một hệ thống di sản văn hoá, tâm linh vô cùng phong phú, đa dạng. Nơi "vương quyền" và "thần quyền" kết hợp, hòa quyện chặt chẽ với nhau giữa yếu tố văn hóa cung đình, tín ngưỡng và tôn giáo.

Trong hệ thống các nghi lễ cung đình triều Nguyễn, lễ tế đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc[1] giữ vị trí tối thượng, là nghi lễ quan trọng bậc nhất của Đất Nước[2], thể hiện quan niệm vũ trụ, tư tưởng chính trị và tinh thần cầu cho quốc thái dân an của triều đình phong kiến. Đây chính là sự biểu trưng điển hình mang tính chính thống của hoàng quyền và khát vọng hòa hợp giữa Thiên - Địa - Nhân. Mặc dù các đời vua triều Nguyễn lấy Nho giáo làm quốc giáo để cai trị dân chúng. Nhưng không vì thế mà Phật Giáo bị mất đi nét riêng vốn có của mình,

ngược lại các đời vua từ Minh Mạng cho đến Bảo Đại cùng hoàng triều đều dành sự tôn kính sâu sắc đối với đạo Phật, tạo nên sự gắn kết độc đáo giữa quyền lực thế tục và tinh thần thoát tục.

Mối quan hệ này đã góp phần "cung đình hóa" Phật giáo Huế, thể hiện rõ nét qua không gian nghi lễ, trong tư tưởng cầu nguyện và trong các hoạt động liên quan đến lễ tế đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc, cho thấy sự đan xen giữa tôn giáo và nghi lễ cung đình. Xuất phát từ thực tế đó, việc tìm hiểu "ảnh hưởng của Phật giáo đối với lễ tế đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc ở thành phố Huế" không chỉ làm rõ mối quan hệ giữa Phật giáo và văn hóa cung đình triều Nguyễn, mà còn giúp nhận diện rõ hơn về sự giao thoa giữa tôn giáo và nghi lễ chính trị trong lịch sử văn hóa Việt Nam, là nơi kết tinh các giá trị văn hóa, nghi lễ truyền thống, ẩm thực và nếp sống tâm linh đặc trưng tại Huế trong bối cảnh bảo tồn và phát huy di sản hiện nay.

Triều đình nhà Nguyễn đã thiết lập và tổ chức nhiều lễ hội phong phú trong thời gian cai trị đất nước, những lễ hội này được gọi chung là lễ hội cung đình Huế[3]. Nhà Nguyễn đã phân định nghiêm ngặt hệ thống lễ hội cung đình thành hai loại: lễ tiết và lễ tế tự. Lễ tiết là những nghi lễ mang tính nghi thức hành chính – chính trị và sinh hoạt định kỳ của triều đình, gắn với các mốc thời gian trong năm hoặc các sự kiện quan trọng của hoàng gia và quốc gia. Đây là các lễ như Tết Nguyên đán, lễ Ban sóc (ban lịch), lễ Đoan dương, lễ Vạn thọ (mừng sinh nhật vua), hay các nghi thức thiết triều lớn. Lễ tiết chủ yếu nhằm củng cố trật tự triều chính, thể hiện uy nghi và phép tắc của vương quyền, đồng thời duy trì sự vận hành nhịp nhàng của bộ máy nhà nước theo chu kỳ thời gian. Tính chất của lễ tiết nghiêng về biểu trưng chính trị, lễ nghi và quy phạm xã hội hơn là yếu tố thờ cúng thần linh.

Ngược lại, lễ tế tự là hệ thống các nghi lễ mang tính tôn giáo – tâm linh, do triều đình tổ chức để thờ cúng các đối tượng thiêng liêng như Trời, Đất, thần linh, tổ tiên và các lực lượng siêu nhiên. Đây là các nghi lễ được cử hành tại các đàn, miếu như Đàn Nam Giao, Đàn Xã Tắc, Thái miếu..., với mục đích cầu phúc cho quốc gia, mưa thuận gió hòa và sự ổn định của xã hội. Lễ tế tự mang tính thiêng liêng cao, được quy định chặt chẽ về nghi thức, phẩm vật, trang phục và trình tự hành lễ. Trong đó, hoàng đế giữ vai trò trung tâm với tư cách là người đại diện cho nhân gian giao tiếp với các đấng tối cao. Trong đó, lễ Tế Đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc là những nghi lễ quan trọng nằm ở bậc thứ nhất thuộc hàng Đại tự trong các lễ tế tự: "Các lễ tế tự: là các lễ tế tại các đàn, miếu do triều đình lập ra, thờ tự và tổ chức tế lễ hằng năm. Triều Nguyễn quy định các lễ tế tự theo ba bậc gồm: Đại tự; trung tự và quần tự"[4].

Trong hệ thống lễ chế của triều Nguyễn, Đại tự được xác định là cấp bậc cao nhất, dành cho những nghi lễ mang ý nghĩa quốc gia và gắn trực tiếp với quyền lực tối thượng của hoàng đế. Đây là các lễ tế hướng đến những đối tượng thiêng liêng bậc nhất như Trời – Đất (Đàn Nam Giao), thần Đất và thần Lúa (Đàn Xã Tắc) hay Tông miếu. Đặc trưng của Đại tự là tính quy chuẩn nghiêm ngặt và quy mô lớn, được tổ chức với sự tham gia trực tiếp của hoàng đế trong vai trò chủ tế, cùng toàn thể văn võ bá quan. Quá trình chuẩn bị kéo dài nhiều ngày, đặc biệt nhấn mạnh nghi thức trai giới nhằm thanh tịnh thân tâm trước khi hành lễ. Không chỉ là một nghi lễ tôn giáo, Đại tự còn là biểu hiện của tư tưởng "Thiên mệnh", qua đó nhà vua khẳng định vai trò Thiên tử – người thay mặt nhân gian giao cảm với Trời – Đất để cầu cho quốc thái dân an và sự trường tồn của vương triều[5].

Ở cấp độ thấp hơn, Trung tự là những nghi lễ dành cho các đối tượng thờ tự quan trọng nhưng không mang tính tối thượng như Đại tự, thường là các thần núi, sông lớn hoặc những nhân vật có công với quốc gia được triều đình sắc phong. Các lễ Trung tự vẫn được tổ chức theo quy định của nhà nước, song về quy mô và nghi thức đã có sự giản lược đáng kể. Hoàng đế không nhất thiết trực tiếp chủ trì mà thường ủy nhiệm cho các quan đại thần thay mặt cử hành. Thời gian tiến hành lễ tế thường gói gọn trong một ngày, việc trai giới cũng giảm nhẹ hơn, song vẫn đảm bảo tính trang nghiêm và chuẩn mực theo lễ chế. Trung tự vì vậy vừa giữ được tính chính thống của nghi lễ cung đình, vừa linh hoạt hơn trong thực hành, phản ánh sự phân tầng rõ rệt trong hệ thống tế tự của triều Nguyễn[6].

Ở cấp thấp nhất, Quần tự bao gồm các nghi lễ thờ cúng mang tính địa phương và dân gian, do nhà nước quản lý nhưng trao quyền thực hiện chủ yếu cho cộng đồng sở tại. Đối tượng thờ tự trong Quần tự rất đa dạng, từ Thành hoàng làng, các vị thần bảo hộ địa phương đến những nhân thần có ảnh hưởng trong đời sống dân cư. Quy mô tổ chức tương đối nhỏ, nghi thức không quá phức tạp và thường diễn ra trong phạm vi một ngày, với sự tham gia của quan chức địa phương và dân làng. So với Đại tự và Trung tự, Quần tự mang đậm sắc thái tín ngưỡng dân gian, phản ánh đời sống tâm linh gần gũi của cộng đồng. Tuy nhiên, việc được đặt trong hệ thống phân cấp của triều đình cho thấy nỗ lực của nhà Nguyễn trong việc chuẩn hóa và kiểm soát toàn bộ hoạt động tế tự, từ trung ương đến địa phương, nhằm duy trì trật tự xã hội và củng cố nền tảng tinh thần của quốc gia[7].



Đàn Nam Giao. Ảnh: St



Đàn Nam Giao. Ảnh: St

Lễ tế Đàn Nam Giao là nghi lễ tế Trời – Đất mang tính chất quốc gia, do hoàng đế triều Nguyễn đích thân chủ trì với tư cách "Thiên tử". Nghi lễ này được tổ chức tại Đàn Nam Giao nhằm cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa và sự ổn định lâu dài của vương triều. Đây là đại lễ quan trọng bậc nhất trong hệ thống tế tự cung đình, thể hiện rõ quan niệm vũ trụ "Thiên – Địa – Nhân" và tư tưởng chính trị về thiên mệnh của nhà vua. Đồng thời, lễ tế còn là sự kết hợp giữa nghi thức Nho giáo với yếu tố tâm linh bản địa và ảnh hưởng của Phật giáo,

tạo nên một không gian thiêng liêng mang tính tổng hợp của văn hóa cung đình Huế.

Đàn Nam Giao là công trình kiến trúc lịch sử, nơi nhà vua thực hiện nghi lễ tế trời đất để cầu phúc cho quốc gia và dân tộc lần đầu tiên sau khi thành lập triều đình nhà Nguyễn: "Tháng 5, năm Gia Long thứ nhất, nhà vua đã cho đặt đàn ở địa phận xã An Ninh, hợp tự cả trời và đất và đem việc đặt niên hiệu kính cáo. Lại lấy vũ công cáo thành, tế cáo trời đất"[8].

Đến năm Gia Long thứ 5, đàn Nam Giao chính thức được xây dựng ở địa phận xã An Cựu bên bờ nam sông Hương giữa một rừng thông, xoay mặt về hướng nam của kinh thành, là tâm của hoàng thành triều đình nhà Nguyễn. Theo tác giả Lê Đức Quang viết trong cuốn Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaingneu cho rằng: "Một kiến trúc theo hình nón có phần trên bằng phẳng, với những cấp bậc chung quanh. Mặt đáy kiến trúc rất rộng, thu hẹp lại dần theo chiều cao và dừng lại ở độ cao nhất định để tạo thành mặt bằng của đàn tế với chu vi 30 mét."[9]

Với ba tầng thành trong khu vực đàn gồm có: "thành" thứ nhất[10] là đàn tròn hợp tự với trời và đất. "Thành" thứ hai[11], đàn vuông với 8 án thờ các vị: đại minh; dạ minh; các vì sao; Thần mây, mưa, gió, sấm; Thần Thái Tuế và Thần Nguyệt Tương; Thần biển và Thần sông, chằm[12]; Thần núi; Thần kỳ. Bên ngoài đàn ở phía Tây Nam dựng lên Trai cung đến kỳ tế lễ nhà vua sẽ đến đấy giữ gìn trai giới 3 ngày thanh tịnh. Để cầu trời ban nhiều phúc lành cho triều đình và dân chúng, trước khi làm lễ tế ở đàn Nam Giao hay còn gọi là lễ Tế Giao, trước 2 ngày nhà vua phải mặc cát phục cáo nhà miếu, làm lễ dâng tuần rượu có văn chúc. Trước 3 ngày, vua với tư cách là người chủ tế phải trai giới ba ngày tại Trai cung, từ hoàng thân cho đến văn võ, bá quan có tham gia lễ tế đều phải nghiêm trì trai giới như luật "Tắm rửa sạch sẽ, nằm ở nhà ngoài, không uống rượu, không ăn thức ăn mặn, không đi thăm người ốm, không đi viếng đám ma, không nghe nhạc, không làm việc hình án".[13]

Đàn Xã Tắc được lập ra để thờ thần Đất (Xã) và thần Lúa (Tắc) – hai yếu tố cốt lõi của nền kinh tế nông nghiệp nước nhà. Ngoài ra, hai chữ "xã tắc" còn tượng trưng cho đất nước, xã tắc còn thì đất nước còn, xã tắc mất thì đất nước mất[14]. Năm Gia Long thứ 5, đàn Xã Tắc được xây dựng với cấu trúc đàn quay mặt về hướng Bắc, gồm hai tầng hình vuông chồng lên nhau. Tầng thứ nhất có dạng hình vuông, bốn phía đều có bốn bậc cấp lên xuống, quét vôi màu vàng. Tầng thứ hai quét vôi màu đỏ. Ngoài hai tầng thành chính, đàn còn có la thành ngoại bao bọc. Mặt nền đàn Xã Tắc được quét năm màu ứng với ngũ hành[15]. Hằng năm nhà vua sẽ lấy ngày mậu thượng tuần của 2 tháng[16] vào mùa xuân

và mùa thu để cử hành lễ tế. Vào năm Minh Mạng thứ 3 đã xuống chỉ: "Đàn Xã Tắc về xuân tế thì ngày mậu sau ngày lễ tế đàn Nam Giao, về thu tế thì ngày mậu thượng tuần đều trước một ngày"[17].



Đàn Xã Tắc. Ảnh: St



Đàn Xã Tắc. Ảnh: St

Lễ tế Đàn Xã Tắc ở Thừa Thiên Huế là nghi lễ thờ Thần Đất (Xã) và Thần Lúa (Tắc), gắn liền với nền tảng nông nghiệp của quốc gia. Đây là nghi lễ mang ý nghĩa biểu trưng cho sự tồn tại của đất nước, bởi "xã tắc" đồng nghĩa với quốc gia, giang sơn. Lễ tế được tổ chức định kỳ hằng năm, thường vào mùa xuân và mùa thu, nhằm cầu cho mùa màng bội thu, đời sống nhân dân ổn định và đất nước bền vững. Tuy có quy mô nhỏ hơn lễ tế Đàn Nam Giao, nhưng lễ tế Xã Tắc vẫn giữ vị trí quan trọng trong hệ thống lễ chế triều Nguyễn, phản ánh mối

quan hệ mật thiết giữa con người, thiên nhiên và quyền lực nhà nước trong tư duy truyền thống Việt Nam.

So với lễ tế đàn Nam Giao thì nghi thức tại đàn Xã Tắc có phần giản lược hơn về thời gian chuẩn bị. Nếu lễ tế đàn Nam Giao nhà vua và các văn võ bá quan phải chay tịnh ba ngày tại Trai cung, thì trong lễ tế Xã Tắc nhà vua và quần thần chỉ chay tịnh một ngày tại hoàng cung. Tuy nhiên, tinh thần tôn nghiêm của lễ tế vẫn được duy trì tuyệt đối nghiêm ngặt với các lệnh cấm về hình phạt và sát sinh trong suốt thời gian diễn ra đại lễ.

Về phần nghi lễ của lễ tế đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc đều với các bước chính như rước thần, dâng lễ, hiến rượu, đọc chúc và tiễn thần, thể hiện quan niệm giao cảm giữa con người với các lực lượng siêu nhiên. Cả hai đều mang tính giao thoa văn hóa với nhau, dù khác biệt về giáo lý nhưng đều gặp nhau ở lòng thành kính và vì dân, vì nước. Đều mang trong mình mục đích tối thượng hướng tới việc cầu nguyện cho "Quốc thái dân an", mưa thuận gió hòa và sự trường tồn của dân tộc. Đồng thời cũng mang tính tôn nghiêm và quy chuẩn: các đại lễ Phật giáo như lễ Phật Đản, lễ cầu siêu... nhà sư y áo chỉnh tề, thì lễ tế đàn đều có những quy tắc cực kỳ nghiêm ngặt về lễ phục như Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ đã ghi: “nhà vua mặc áo cổn, đội mũ miện, cầm ngọc trấn khuê làm lễ”[18]. Phật giáo có nghi thức “Lục Cúng hoa đăng” dâng cúng Chư Phật mang đậm nét ảnh hưởng của nhã nhạc cung đình Huế thì lễ Tế Giao có chín lần tấu nhạc chương, dùng chữ thành “成”; lễ tế Xã Tắc có bảy lần tấu nhạc chương dùng chữ phong “風” để tế lễ và các bước thực hiện đều đảm bảo tính linh thiêng.

Lễ tế đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc là hai nghi lễ phản ánh rõ quan niệm về vũ trụ, quốc gia và quyền lực chính trị của nhà vua. Theo quan niệm truyền thống, vua là “Thiên tử”, người thay mặt dân chúng thực hiện nghi lễ tế Trời – Đất nhằm cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa và mùa màng bội thu. Phật giáo lại tập trung vào lòng từ bi và cứu độ chúng sinh, người chủ trì là Tăng đoàn, không phân biệt đẳng cấp; Phật tử và thường dân đều có thể tham gia. Nếu lễ tế đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc nhằm khẳng định “mệnh trời” của nhà vua, chỉ vua mới có quyền thay mặt dân kết nối với Trời – Đất thì Phật giáo lại khẳng định “Phật tính”, không nhằm phục vụ uy quyền chính trị cá nhân. Nhưng cả hai đều mang tính chất kết nối với lòng dân, hướng con người về nguồn cội và các đấng tối cao như Trời, Đất và Chư Phật thể hiện tính cộng đồng tập thể rất lớn trong một quốc gia

Dù mang nhiều nét tương đồng về nghi thức tế tự, nhưng song song đó vẫn không tránh khỏi sự khác biệt về phẩm vật tế lễ giữa vương quyền và thần

quyền. Lễ tế đàn Nam giao và đàn Xã Tắc dùng Tam sinh là các con vật tươi sống như trâu, dê và cả nghi thức ế mao huyết[19] để dâng cúng thần linh thì Phật giáo tuyệt đối không sát sinh, hại vật, lễ phẩm để dâng cúng toàn là chay tịnh như xôi, chè, hoa quả…

Phật giáo là một trong những tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng trong lịch sử văn hóa Việt Nam. Tại Huế, Phật giáo đã có mặt từ rất sớm và phát triển mạnh mẽ từ thời các chúa Nguyễn. Khi triều Nguyễn được thành lập vào đầu thế kỷ XIX, mặc dù Nho giáo được xem là tư tưởng chính thống trong việc điều hành đất nước, nhưng Phật giáo vẫn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của triều đình và nhân dân. Sự tồn tại song song giữa Nho giáo – Phật giáo đã tạo điều kiện cho các yếu tố Phật giáo thâm nhập vào nhiều lĩnh vực trong đời sống cung đình, bao gồm cả hệ thống nghi lễ tế tự.

Mặc dù lễ tế đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc mang bản chất là "khuôn vàng thước ngọc" nghi lễ của Nho giáo. Tuy nhiên, trong bối cảnh văn hóa tại vùng đất Thuận Hóa – Phú Xuân, các nghi lễ này đã được tiếp nhận và dung hợp mang nhiều yếu tố của Phật giáo hơn. Cốt lõi thì vẫn dựa trên Kinh Lễ của Nho gia, nhưng tinh thần "Từ bi – Hỷ xả" và triết lý "nhân quả" của Phật giáo đã thẩm thấu vào cách thức tổ chức. Trước hết là sự dung hợp tư tưởng Phật - Nho trong thiết chế nghi lễ cung đình, về mặt tư tưởng thể hiện tinh thần hòa hợp việc thực hiện đại lễ không chỉ khẳng định quyền lực của hoàng triều mà còn nhằm cầu nguyện "Quốc thái dân an" – một khái niệm mang đậm màu sắc Phật giáo dân gian. Sự tác động của Phật giáo đã ảnh hưởng đến quy trình và nghi thức hành lễ được thể hiện rõ nét qua các quy định về trai giới và cách xử phạt, không xử án trong quá trình chuẩn bị cho lễ tế. Triều đình tổ chức các nghi thức trai giới để thanh tịnh thân tâm trước khi tiến hành đại lễ, từ mặt tư tưởng cho đến tiết chế dục vọng, giữ gìn thân tâm trong sạch trước khi thực hiện nghi lễ có nhiều điểm tương đồng với quan niệm tu tập của Phật giáo. Điều này phản ánh quan niệm rằng chỉ khi con người đạt đến trạng thái "không" và "sạch" thì mới có thể giao tiếp với các đấng siêu nhiên.

Lễ tế đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc về bản chất là sự tri ân nguồn cội Trời, Đất, Tổ tiên thì Phật giáo đóng vai trò bồi đắp đạo lý "uống nước nhớ nguồn". Đây chính là sự tương đồng trong ý niệm về lòng hiếu thảo và sự tri ân nguồn cội, năm Minh Mạng thứ hai viết: "Không gì trước hơn Tôn Tiên tổ, Thế Tổ Cao Hoàng đế ta trong năm đại định, bắt đầu dựng giao miếu, hàng năm đến tháng trọng xuân, làm lễ đại tự ở đàn Nam Giao, cung phụng thần linh Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế thăng phối lên, rõ ràng hội điển hiến pháp để lại muôn đời, kính nhớ Thế Tổ Cao hoàng đế, bình định họa loạn, thống nhất cả nước Việt, dựng đặt giềng mối, mình đến thái bình, công cao đức dày…"[20].

Nếu như lễ tế Nam Giao mang tính chất vũ trụ và chính trị, thì lễ tế đàn Xã Tắc lại gắn liền với nền nông nghiệp và đời sống kinh tế của đất nước. Quan niệm về sự gắn bó giữa con người và thiên nhiên đã góp phần hình thành cách nhìn nhân văn đối với đất đai và mùa màng, đất không chỉ là nguồn tài nguyên kinh tế mà còn mang ý nghĩa thiêng liêng, cần được tôn trọng và bảo hộ. Tư tưởng này có sự tương đồng với quan niệm của Phật giáo về sự sống và mối quan hệ giữa các yếu tố trong vũ trụ. Bên cạnh đó, các nghi thức cầu nguyện mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu mang yếu tố tâm linh sâu sắc và có sự giao thoa với các nghi lễ cầu an và cầu phúc trong Phật giáo.

Đối với triều Nguyễn, dù là nghi lễ hoàng gia nhưng việc tiếp nhận các yếu tố Phật giáo trong nghi lễ cung đình không làm thay đổi bản chất chính trị cốt lõi của lễ tế đàn Nam Giao – đàn Xã Tắc. Ngược lại, đây còn là một quá trình "dung hợp văn hóa" tạo ra sự giao thoa mang tính tôn nghiêm của quyền lực và tinh thần cứu rỗi nhân sinh, góp phần làm phong phú thêm đời sống tâm linh của triều đình và sự lan tỏa của nó đến tâm thức người dân Huế là rất lớn. Người dân nhìn nhận lễ tế không chỉ là việc của vua chúa mà còn là một dịp để cùng nhau hướng về cái thiện, cầu mong sự che chở của các đấng siêu nhiên – một tâm thế vốn được nuôi dưỡng bởi truyền thống Phật giáo lâu đời tại vùng đất Cố Đô.

Sự ảnh hưởng của Phật giáo không làm thay đổi cấu trúc cơ bản của đàn tế mang đậm tính Nho giáo nhưng đã làm "mềm hóa" các quy tắc khắt khe, biến một nghi lễ quyền lực thành một không gian tâm linh mang tính hướng thượng và bao dung hơn. Điều này giúp lễ tế thoát ly khỏi ranh giới của một quyền lực tối cao để trở thành một sự kiện văn hóa cộng đồng, kết nối tâm thức giữa quân vương và thần dân.

Sự kết hợp này đã kiến tạo nên một không gian văn hóa có tính "lưỡng hợp" độc đáo của văn hóa cung đình Huế. Nơi nghi lễ cung đình không chỉ phục vụ mục đích cai trị của vương quyền mà còn đáp ứng nhu cầu tâm linh sâu sắc của nhân dân. Sự nhất thể hóa giữa Thiên tử và muôn dân trong mục tiêu tối thượng là an dân và hộ quốc đã khẳng định cho sự vận hành song song của hai hệ tư tưởng Nho - Phật tại vùng đất kinh kỳ, mang đậm nét bản sắc văn hóa riêng biệt của triều đại nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam.

Tác giả: **Lý Thanh Nhi (Thích nữ Như Ý Châu)**
Cao học khóa V - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

***

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Đức Anh Sơn (2016), Kiểu Huế, Nxb Văn hóa – văn nghệ
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Trần Đức Anh Sơn (2014), Nghi lễ và lễ hội cung đình triều Nguyễn, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
4. Phan Thuận An (2005), Huế xưa và nay, Nxb Thuận Hóa, Huế.
5. Nội các triều Nguyễn (1993), Khâm định đại nam hội điển sự lệ, (bản dịch của viện sử học, tập 6), Nxb Thuận Hóa - Huế.
6. Lê Đức Quang – Trần Đình Hằng (2016), Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaingneu, Nxb Thuận Hóa.
7. Tạp chí nghiên cứu và phát triển (2023), Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn, Nxb Thuận Hóa.

Chú thích:

[1] Lễ này có nguồn gốc từ Trung Quốc, thực hành theo nghi thức của Khổng Giáo.
[2] Quan niệm phong kiến phương Đông coi vua là thiên tử (con của trời). Bởi vậy, ngoài cha mẹ thật, ông vua còn có cha mẹ tinh thần đó là trời (cha) và đất (mẹ). Vậy nên hằng năm, vua phải tổ chức lễ tế trời và tế đất để giỗ cha và giỗ mẹ.
[3] Các nhà nghiên cứu đã thống nhất cung đình Huế với cung đình triều Nguyễn, do Huế là kinh đô của vương triều Nguyễn.
[4] Trần Đức Anh Sơn (2016), Kiểu Huế, Nxb Văn hóa – văn nghệ, tr. 13-14
[5] Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 45–47.
[6] Trần Đức Anh Sơn (2014), Nghi lễ và lễ hội cung đình triều Nguyễn, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, tr. 112–115.
[7] Phan Thuận An (2005), Huế xưa và nay, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 178–182.
[8] Nội các triều Nguyễn (1993), Khâm định đại nam hội điển sự lệ, (bản dịch của viện sử học, tập 6), Nxb Thuận Hóa - Huế, tr. 358.
[9] Lê Đức Quang – Trần Đình Hằng (2016), Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaingneu, Nxb Thuận Hóa, tr. 117.
[10] Còn gọi là Viên Đàn – tròn, tượng trưng cho Trời.
[11] Còn gọi là Phương Đàn – vuông, tượng trưng cho Đất.
[12] Năm Minh Mạng thứ 9 Xuyên Trạch đổi làm Giang Trạch.
[13]Nội các triều Nguyễn, Sđd, tr. 339.
[14] Đàn Xã Tắc là huyệt đạo linh thiêng của một đất nước, khi kẻ thù muốn khẳng định chủ quyền và tuyên cáo sự diệt vong của một vương triều, chúng thường nhắm thẳng vào đây nhằm đánh gục niềm tin, bẻ gãy ý chí phản kháng, phá vỡ điểm chí mạng của dân tộc đó.

[15] Tạp chí nghiên cứu và phát triển (2023), Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn, Nxb Thuận Hóa, tr. 254.
[16] Tháng 2 và tháng 8 hằng năm.
[17] Nội các triều Nguyễn, Sđd, tr. 417.
[18] Nội các triều Nguyễn, Sđd, tr. 346.
[19] Chôn hoặc đốt lông huyết
[20] Nội các triều Nguyễn, Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ, bản dịch của viện sử học, tập 6, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr 367.